TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HS-ST
Ngày: 12 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hùng Hạnh.

Ông Ngụy Thanh Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Thưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Cao Thanh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2019/HSST ngày 02 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N; sinh năm 1989 tại xã V, huyện A, tỉnh H; N cư trú: Thôn Văn Trạch, xã V, huyện A, tỉnh H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965 (không xác định được bố là ai); tiền án: Ngày 08/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", ra trại ngày 02/01/2018; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2019 cho đến nay; hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Có mặt.

Người bị hại: Anh Bùi Văn M; sinh năm 1983. N cư trú: Xóm 2 xã G, huyện G, tỉnh N. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Ngọc L; sinh năm 1982. N cư trú: Xóm 5, xã H, huyện G, tỉnh N. Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Trần Văn K; sinh năm 1988. N cư trú: Xóm Thanh Hùng xã T, huyện G, tỉnh N Vắng mặt.

- Anh Phạm Văn Q; sinh năm 1983. N cư trú: Xóm 8, xã H, huyện G, tỉnh N. Vắng mặt.

- Chị Phạm Thị N; sinh năm 1988. N cư trú: Xóm 5, xã H, huyện G, tỉnh N. Vắng mặt.

- Ông Ngô Văn L; sinh năm 1951.

- Anh Ngô Văn K; sinh năm 1982. Đều cư trú tại: Xóm 18 xã G, huyện G, tỉnh N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cuối năm 2018, Nguyễn Văn N và anh Ngô Văn K quen biết nhau do cùng làm nghề sửa xe tại Hà Nội. Ngày 25/3/2019, N về nhà K chơi. Ngày 27/3/2019, N đến cửa hàng sửa xe "Đức Thịnh" do anh Trần Ngọc L làm chủ xin làm nhưng anh L không đồng ý vì N là người lạ. Do biết bố đẻ của anh K là ông Ngô Văn L quen anh L nên N nhờ ông L xin việc tại cửa hàng của anh L. Ngày 31/3/2019, N bắt đầu làm công việc sửa xe máy tại cửa hàng của anh L cùng với 2 người thợ khác là Phạm Văn Q và Trần Văn K. Do không muốn mọi người biết tên thật của mình nên N giới thiệu với mọi người mình tên là C. Khoảng 11 giờ 40 phút, ngàu 01/4/2019, anh Bùi Văn M đi xe moto Honda Airblade màu đỏ đen, BKS 18G1 - 1888.11 đến hiệu sửa xe của anh L để sửa xe. Lúc này anh L đi vắng, N là người trực tiếp sửa xe cho anh M. Trong khi sửa xe, N mở cốp xe thấy bên trong có 01 đăng ký xe lộ ra ngoài chiếc ví da nên N đã này sinh ý định chiếm đoạt xe bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 12 giờ cùng ngày, sau khi sửa xe xong cho anh M, N lấy lý do đi thử xe của anh M, rồi N điều khiển xe đi thẳng lên thành phố Hà Nội. Sau khi N đi khỏi cửa hàng khoảng 10 phút, không thấy N quay lại, mọi người đi tìm và gọi điện thoại cho N nhưng không liên lạc được. Trên đường đi, N mở cốp xe của anh M, lấy 01 ví da, trong có 01 đăng ký xe BKS 18G1 - 1888.11, 01 chứng minh nhân dân, 01 căn cước công dân đều mang tên Bùi Văn M và số tiền 1.000.000 đồng. N dùng ảnh của mình dán đè lên ảnh trong chứng minh nhân dân của anh M rồi đi phô tô. Sau đó, N dùng bản chứng minh nhân dân đã phô tô này đem bán cùng chiếc xe trên cùng đăng ký xe cho một thanh niên không rõ tên tuổi, địa chỉ tại khu vực quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá 15.000.000 đồng. N đã tiêu xài hết số tiền bán xe và 1.000.000 đồng trong ví của anh M. Ngày 21/4/2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy đã ra quyết định

truy nã đối với N và ngày 23/4/2019, N đã đến Công an huyện Giao Thủy đầu thú và khai báo hành vi vi phạm.

Ngày 06/4/2019, anh M nhận được thông tin từ người mua xe nên đã lên Hà Nội chuộc lại xe cùng với đăng ký xe từ một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ với giá 16.000.000 đồng mang về giao nộp cho cơ quan điều tra.

Ngày 12/4/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Giao Thủy đã tiến hành định giá tài sản đối với chiếc xe moto Honda Airblade màu đỏ den, BKS 18G1 - 1888.11 mà N chiếm đoạt của anh M và kết luận: "01 xe xe moto Honda, kiểu dáng Airblade sơn màu đỏ den, BKS 18G1 - 188811 trị giá hiện tại khoảng 25.850.000 đồng".

Tại bản Cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 01/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự: Buộc Nguyễn Văn N phải hoàn trả cho anh Trần Ngọc L số tiền bỏ ra để chuộc xe là 16.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải truy nộp số tiền 1.000.000 đồng do phạm tội mà có để sung ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm và không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ

luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án như: lời khai của bị hại, người có quyền lợi ngĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết quả định giá tài sản; như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 11giờ 40 phút ngày 01/4/2019, tại cửa hàng sửa chữa xe máy Phúc Thịnh của anh Trần Ngọc L, Nguyễn Văn N được giao sửa xe cho anh Bùi Văn M. Trong quá trình sửa xe cho anh M, N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe. Sau khi sửa xe, đến khoảng 12 giờ cùng ngày, N lấy lý do đi thử xe và đã điều khiển xe máy Airblade BKS 18G1 - 18811 trị giá 25.850.000đ của anh M lên Hà Nội đem bán với giá 15.000.000đ.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đã truy tố Nguyễn Văn N về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính nguy hiểm của hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đã xâm phạm đến trật tự trị an xã hội, xâm phạm đến quyền sở huwuxhowp pháp về tài sản của người khác. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được việc lợi dụng sự tin tưởng của người khác giao tài sản cho mình rồi chiếm đoạt tài sản đó là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Để giữ gìn kỷ cương của pháp luật cần có một bản án nghiêm minh để giáo dục riêng đối với bị cáo và đáp ứng công tác phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới có tác dụng cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội đồng thời mới có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Ngọc L yêu cầu N hoàn trả cho anh số tiền 16.000.000đ mà anh đã trả cho anh Bùi Văn M để chuộc xe, là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Đối với chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, BKS 18G1 – 1888.11, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh M. Anh M đã nhận xe và không có ý kiến gì. Đối với 01 chiếc ví da, 01 chứng minh nhân dân, 01 căn cước công dân của anh M. N khai đã vứt xuống sông Tô Lịch nên cơ quan điều tra không thu giữ được, anh M cũng không yêu cầu bồi thường nên trách nhiệm dân sự không đặt ra. Đối với số tiền 1.000.000 đồng, N chiếm đoạt trong ví của anh M, nay anh M không yêu cầu N bồi thường nên cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] Đối với các đối tượng đã mua xe từ N và bán lại xe cho anh M, quá trình điều tra, cơ quan điều tra không xác định được các đối tượng này là ai, ở đâu nên vấn đề xử lý không đặt ra.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 468 Bộ luật dân sự: Buộc Nguyễn Văn N phải hoàn trả cho anh Trần Ngọc L 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải truy nộp số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) do phạm tội mà có để sung ngân sách Nhà nước.

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

N nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- Công an huyện: 02 bản;
- Bị cáo: 01 bản;
- Bị hại: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Thu Hiền